

Bản án số: 26/2024/DS-ST
Ngày 20-9-2024
“*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Nhi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Châu; Ông Hồ Quang Hiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vi Thế Nam là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Vũ Hồng Hoa- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 37/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 282/2024/QĐST-DS ngày 06/8/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 317/2024/QĐST-DS ngày 21/8/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 383/2024/QĐST-DS ngày 11/9/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Cẩm T – Vắng mặt.

Địa chỉ: Bon Đăk P, xã N, huyện K, tỉnh Đăk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Cẩm T: Bà Nguyễn Thị Thu H - Có mặt.

Địa chỉ: Số 08A Ngô Q, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đăk Nông.

- *Bị đơn:* Ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị Thảo V - Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Bon Đăk P, xã N, huyện K, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/3/2024 của nguyên đơn bà Trần Thị Cẩm T và quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 24/02/2023, bà Trần Thị Cẩm T có cho ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị Thảo V vay số tiền là 250.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày vay (tức là từ ngày 24/02/2023 đến ngày 24/8/2023). Việc vay mượn được thể hiện bằng văn bản là Giấy thoả thuận vay mượn tiền và có đầy đủ chữ ký của các bên. Vào ngày 29/7/2023 ông T, bà V tiếp tục vay thêm của bà T với số tiền là 250.000.000 đồng, thời hạn vay là 05 tháng kể từ ngày vay (tức là từ ngày

29/7/2023 đến ngày 29/01/2024). Việc vay mượn được thể hiện bằng văn bản là Giấy thoả thuận vay mượn tiền và có đầy đủ chữ ký của các bên. Tuy nhiên, đến thời hạn trả nợ nhưng ông T, bà V vẫn không trả tiền cho bà T. Mặc dù bà T đã nhiều lần liên lạc với ông T, bà V để nhắc nhở nhưng ông T, bà V vẫn không trả.

Theo đơn khởi kiện, bà Trần Thị Cẩm T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn là ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị Thảo V phải trả cho bà Trần Thị Cẩm T tổng số tiền là 514.500.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 24/02/2023 và Giấy mượn tiền ngày 29/7/2023, trong đó: Tổng tiền nợ gốc theo Giấy mượn tiền ngày 24/02/2023 và Giấy mượn tiền ngày 29/7/2023 là: 500.000.000 đồng. Tiền lãi tạm tính kể từ ngày quá hạn theo Giấy mượn tiền ngày 24/02/2023 (Từ ngày 25/02/2023 đến ngày 25/8/2023) (lãi suất 10%/năm) là 12.500.000 đồng. Tiền lãi tạm tính kể từ ngày quá hạn theo Giấy mượn tiền ngày 29/7/2023 (Từ ngày 30/01/2024 đến ngày 30/02/2024) (lãi suất 10%/năm) là 2.000.000 đồng và đề nghị tiếp tục tính lãi trong quá trình giải quyết cho đến khi ông T, bà V thanh toán đầy đủ khoản nợ trên.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn yêu cầu ông T, bà V thanh toán tiền gốc của 02 giấy vay nợ là 500.000.000 đồng và tính lãi như sau: Tiền lãi của Giấy mượn tiền ngày 24/02/2023, số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng, tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 25/8/2023 đến ngày 20/9/2024 (12 tháng 26 ngày) là 26.698.330 đồng (*cụ thể: 250.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 12 tháng 26 ngày = 26.698.330 đồng*). Theo Giấy mượn tiền ngày 29/7/2023, số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng, tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 30/01/2024 đến ngày 11/9/2024 (8 tháng 20 ngày) là 17.983.333 đồng (*cụ thể: 250.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 8 tháng 20 ngày = 17.983.333 đồng*). Tổng tiền lãi 26.698.330 đồng + 17.983.333 đồng = 44.681.663 đồng và tiếp tục tính lãi cho đến khi ông T, bà V thanh toán đầy đủ khoản nợ trên.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Ngọc T trình bày:*

Ông T thừa nhận có vay của bà Trần Thị Cẩm T 02 lần với tổng số tiền 500.000.000 đồng như trình bày của phía nguyên đơn là đúng sự thật. Chữ viết và chữ ký trong giấy vay mượn tiền là đúng của ông T. Sau khi vay có nợ tổng số tiền gốc là 500.000.000 đồng và lãi. Đây là khoản vay riêng của ông T với bà T không liên quan gì đến vợ là bà Lê Thị Thảo V nên chỉ đồng ý một mình ông T chịu trách nhiệm trả nợ cho bà T. Ông T đồng ý thanh toán nợ gốc và lãi theo yêu cầu khởi kiện của bà T nhưng hiện nay ông T chưa có tiền nên việc thanh toán sẽ thực hiện theo trình tự thủ tục thi hành án dân sự.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lê Thị Thảo V trình bày:*

Việc ông T chồng của bà V vay tiền của bà T là ông T tự vay, lúc vay bà V không biết, bà V không liên quan đến khoản vay của ông T. Sau khi vay ông T không nói cho bà V biết, không mang tiền về nhà, cũng không sử dụng cho gia đình. Đến khi bà T khởi kiện, Tòa án thông báo thì bà V mới biết đến khoản vay này của ông T. Gia đình tôi làm dịch vụ cầm đồ nên ông T có soạn sẵn để tiện cho việc làm ăn, lúc nào vợ chồng bà V có vay mượn của ai thì hai vợ chồng bà V cùng ký tên vào giấy. Ông T đi vay có mang giấy ở nhà đi nhưng không cho bà V biết, tự ý đi vay tiền bên ngoài. Bà V không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T do

bà V không liên quan đến việc vay mượn của ông T, cả hai lần vay trên một mình ông T phải có trách nhiệm trả tiền cho bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng như sau: Thẩm phán, thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Lê Ngọc T phải trả cho nguyên đơn tiền nợ gốc và lãi theo thỏa thuận.

Không chấp nhận Nguyên đơn yêu cầu bà Lê Thị Thảo V liên đới cùng với ông Lê Ngọc T thanh toán tiền gốc và lãi theo đơn khởi kiện.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Bản gốc 01 Giấy thỏa thuận vay mượn tiền ngày 24/02/2023, số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng thể hiện thời hạn vay từ ngày 24/2/2023 đến ngày 24/8/2024; bản gốc Giấy thỏa thuận vay mượn tiền ngày 29/7/2023, số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng, thể hiện thời hạn vay từ ngày 29/7/2023 đến ngày 29/01/2024, cả 02 giấy trên đều thể hiện trả lãi cuối mỗi tháng. Đây là các tài liệu do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được theo đúng trình tự thủ tục được chấp nhận làm căn cứ để giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Trần Thị Cẩm T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị Thảo V trả số tiền gốc 500.000.000 đồng và tính lãi suất 10%/năm. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại Bon Đắc P, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị Thảo V vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T, bà V.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

[2.1] Bà Trần Thị Cẩm T yêu cầu đối với bà Lê Thị Thảo V phải cùng ông Lê Ngọc T trả bà Tiên số tiền vay 544.681.663 đồng, trong đó tiền gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi của 02 giấy vay là 44.681.663 đồng. Lời khai ông Lê Ngọc T khẳng định đây là khoản nợ riêng của ông Lê Ngọc T với bà Trần Thị Cẩm T, không liên quan gì đến vợ là bà Lê Thị Thảo V nên chỉ một mình ông Lê Ngọc T chịu trách nhiệm trả nợ cho bà T. Lời khai bà V cho rằng bà V không biết, không liên quan đến khoản vay này của ông Lê Ngọc T, sau khi vay ông Lê Ngọc T không nói cho bà biết, không mang tiền về nhà, cũng không sử dụng cho cuộc sống gia đình nên bà V không đồng ý cùng ông Lê Ngọc T trả tiền cho bà Trần Thị Cẩm

T. Nguyên đơn đã cung cấp chứng cứ là 02 Giấy thỏa thuận vay mượn tiền của ngày 24/02/2023 và ngày 29/7/2023, tại phần người vay chỉ có chữ ký của ông Lê Ngọc T chứ không có chữ ký của bà Lê Thị Thảo V, Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh bà Lê Thị Thảo V có liên quan đến khoản vay trên. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc yêu cầu bà Lê Thị Thảo V phải liên đới cùng ông Lê Ngọc T trả cho bà Trần Thị Cẩm T số tiền vay 544.681.663 đồng (*Năm trăm bốn mươi một triệu hai trăm chín mươi hai nghìn bốn trăm tám mươi hai đồng*), trong đó tiền gốc của 02 giấy vay là 500.000.000 đồng và tiền lãi của 02 giấy vay là 44.681.663 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu tiền gốc: Bà Trần Thị Cẩm T yêu cầu đòi với ông Lê Ngọc T: Xét thấy, bà T cho ông T vay mỗi lần 250.000.000 đồng của ngày 24/02/2023 và ngày 29/7/2023, tổng cộng 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng). Lời khai của ông Lê Ngọc T thừa nhận ông T có nợ bà Trần Thị Cẩm T toàn bộ khoản tiền trên và đồng ý thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc theo yêu cầu của nguyên đơn là 500.000.000 đồng. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, số tiền nợ gốc mà ông T đã ký nhận trong mỗi lần vay là 250.000.000 đồng của ngày 24/02/2023 và ngày 29/7/2023, tổng tiền gốc là 500.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự nên cần được chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn. Buộc ông Lê Ngọc T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị Cẩm T số tiền gốc của 02 lần vay, mỗi lần 250.000.000 đồng, tổng cộng tiền gốc là 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*).

[2.3] Xét yêu cầu tiền lãi: Xét yêu cầu của Nguyên đơn tính lãi suất của 02 Giấy thỏa thuận vay mượn tiền với mức lãi suất là 10%/năm = 0,83%/tháng là phù hợp, thời điểm tính lãi suất của Giấy thỏa thuận vay mượn tiền ngày 24/02/2023, số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng, tính từ vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 25/8/2023 đến ngày 20/9/2024 (12 tháng 26 ngày) là: 250.000.000 đồng x 10%/năm x 12 tháng 26 ngày = 26.698.333 đồng (1); Theo Giấy thỏa thuận vay mượn tiền ngày 29/7/2023, số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng, tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 30/01/2024 đến ngày 20/9/2024 (8 tháng 20 ngày) là: 250.000.000 đồng x 10%/năm x 8 tháng 20 ngày = 17.983.333 đồng (2).

Tổng số tiền lãi (1)+(2) là: 26.698.333 đồng + 17.983.333 đồng = 44.681.663 đồng (*Bốn mươi bốn triệu sáu trăm tám mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi ba đồng*). Căn cứ Điều 148, Điều 357, Điều 440 khoản 4 Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận.

Xét yêu cầu thanh toán nợ gốc và nợ lãi do Nguyên đơn yêu cầu là có cơ sở nên cần buộc ông Lê Ngọc T phải thanh toán cho bà Trần Thị Cẩm T tổng số tiền gốc và lãi là: 500.000.000 đồng + 44.681.663 đồng = 544.681.663 đồng (*Năm trăm bốn mươi bốn triệu sáu trăm tám mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi ba đồng*).

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng, được trừ 12.290.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Trần Thị Cẩm T đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Krông Nô theo biên lai số 0000513 ngày 13/3/2024. Hoàn trả bà Trần Thị Cẩm T số tiền 11.990.000 đồng; Bị đơn ông Lê Ngọc T phải chịu án phí sơ thẩm là $[544.681.663 (20.000.000 \text{ đồng} + 4\% \text{ của phần giá trị tranh chấp vượt quá } 400.000.000 \text{ đồng})] = 25.787.265 \text{ đồng}$ (làm tròn 25.787.000 đồng - Hai mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Krông Nô.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 144; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 463, Điều 466; Điều 470, khoản 1, khoản 2 Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bị đơn ông Lê Ngọc T phải trả cho bà Trần Thị Cẩm T số tiền 544.681.663 đồng (Năm trăm bốn mươi bốn triệu sáu trăm tám mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi ba đồng). Trong đó: tiền gốc là 500.000.000 đồng, tiền lãi 44.681.663 đồng (cụ thể: Theo Giấy mượn tiền ngày 24/02/2023, số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng, tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 25/8/2023 đến ngày 20/9/2024 (12 tháng 26 ngày): $250.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng } 26 \text{ ngày} = 26.698.330 \text{ đồng}$; Theo Giấy mượn tiền ngày 29/7/2023, số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng, tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 30/01/2024 đến ngày 20/9/2024 (8 tháng 20 ngày) là: $250.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 8 \text{ tháng } 20 \text{ ngày} = 17.983.333 \text{ đồng}$. Tổng tiền lãi $26.698.330 \text{ đồng} + 17.983.333 \text{ đồng} = 44.681.663 \text{ đồng}$).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn là bà Trần Thị Cẩm T phải có nghĩa vụ cùng bị đơn là ông Lê Ngọc T phải trả tiền cho nguyên đơn.

3. Về án phí: Bà Trần Thị Cẩm T phải chịu án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ 12.290.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Trần Thị Cẩm T

đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Krông Nô theo biên lai số 0000513 ngày 13/3/2024. Hoàn trả bà Trần Thị Cẩm T số tiền 11.990.000 đồng (*Mười một triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng*).

Buộc bị đơn ông Lê Ngọc T phải chịu án phí sơ thẩm là 25.787.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn đồng*), nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện K;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Nhi